

GB		
分區	代號	人數
大埔	TP	5
屯門	TM	3
何文田	HMT	4
沙田	ST	3
柴灣	CW	3
荃灣	TW	3
灣仔	WC	5
觀塘	KT	2
總數		28

女B賽事：2018.12.02(日)一天賽完。

每小組首名出線

女B-A組	
1	陳曉嵐 TP
2	蔡善同 TM
3	鄭如心 WC
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	GB-A1	2-Dec	10:05	蔡善同 TM	vs	鄭如心 WC
1-3	GB-A2	2-Dec	11:20	陳曉嵐 TP	vs	鄭如心 WC
1-2	GB-A3	2-Dec	13:25	陳曉嵐 TP	vs	蔡善同 TM
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

女B-B組	
1	陳嬉垣 WC
2	張敏芝 HMT
3	石明慧 CW
0	謝梓恩 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-B1	2-Dec	10:05	陳嬉垣 WC	vs	謝梓恩 TW
2-3	GB-B2	2-Dec	10:05	張敏芝 HMT	vs	石明慧 CW
1-3	GB-B3	2-Dec	11:20	陳嬉垣 WC	vs	石明慧 CW
2-4	GB-B4	2-Dec	11:20	張敏芝 HMT	vs	謝梓恩 TW
1-2	GB-B5	2-Dec	13:25	陳嬉垣 WC	vs	張敏芝 HMT
3-4	GB-B6	2-Dec	13:25	石明慧 CW	vs	謝梓恩 TW

女B-C組	
1	KHUSHI HMT
2	梁梓梨 CW
3	李美瑤 KT
4	李婉盈 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-C1	2-Dec	10:05	KHUSHI HMT	vs	李婉盈 TP
2-3	GB-C2	2-Dec	10:05	梁梓梨 CW	vs	李美瑤 KT
1-3	GB-C3	2-Dec	11:20	KHUSHI HMT	vs	李美瑤 KT
2-4	GB-C4	2-Dec	11:45	梁梓梨 CW	vs	李婉盈 TP
1-2	GB-C5	2-Dec	13:25	KHUSHI HMT	vs	梁梓梨 CW
3-4	GB-C6	2-Dec	13:25	李美瑤 KT	vs	李婉盈 TP

女B-D組	
1	陳凱桐 WC
2	陳日松 ST
3	黃洛施 TW
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	GB-D1	2-Dec	10:05	陳日松 ST	vs	黃洛施 TW
1-3	GB-D2	2-Dec	11:45	陳凱桐 WC	vs	黃洛施 TW
1-2	GB-D3	2-Dec	13:25	陳凱桐 WC	vs	陳日松 ST
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

女B-E組	
1	凌瑋欣 WC
2	何芷晴 KT
3	王聆琪 TM
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	GB-E1	2-Dec	10:05	何芷晴 KT	vs	王聆琪 TM
1-3	GB-E2	2-Dec	11:45	凌瑋欣 WC	vs	王聆琪 TM
1-2	GB-E3	2-Dec	13:25	凌瑋欣 WC	vs	何芷晴 KT
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

女B-F組	
1	陳思澄 TW
2	何愷瑩 HMT
3	陳澄 TP
4	郭欣翹 ST
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-F1	2-Dec	10:05	陳思澄 TW	vs	郭欣翹 ST
2-3	GB-F2	2-Dec	10:30	何愷瑩 HMT	vs	陳澄 TP
1-3	GB-F3	2-Dec	11:45	陳思澄 TW	vs	陳澄 TP
2-4	GB-F4	2-Dec	11:45	何愷瑩 HMT	vs	郭欣翹 ST
1-2	GB-F5	2-Dec	13:50	陳思澄 TW	vs	何愷瑩 HMT
3-4	GB-F6	2-Dec	13:50	陳澄 TP	vs	郭欣翹 ST

女B-G組	
1	符加蔚 CW
2	陳子晴 WC
3	余佩瑩 ST
4	周洛行 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-G1	2-Dec	10:30	符加蔚 CW	vs	周洛行 TP
2-3	GB-G2	2-Dec	10:30	陳子晴 WC	vs	余佩瑩 ST
1-3	GB-G3	2-Dec	11:45	符加蔚 CW	vs	余佩瑩 ST
2-4	GB-G4	2-Dec	11:45	陳子晴 WC	vs	周洛行 TP
1-2	GB-G5	2-Dec	13:50	符加蔚 CW	vs	陳子晴 WC
3-4	GB-G6	2-Dec	13:50	余佩瑩 ST	vs	周洛行 TP

女B-H組	
1	蔣綽薇 HMT
2	梁藹婷 TP
3	方心愉 TM
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	GB-H1	2-Dec	10:30	梁藹婷 TP	vs	方心愉 TM
1-3	GB-H2	2-Dec	11:45	蔣綽薇 HMT	vs	方心愉 TM
1-2	GB-H3	2-Dec	13:50	蔣綽薇 HMT	vs	梁藹婷 TP
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE